

Số: 22/2019/QĐST-KDTM

Thành phố Huế, ngày 22 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 18/2019/TLST-KDTM ngày 29 tháng 01 năm 2019;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V; địa chỉ: Số 89 L H, phường Láng H, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó giám đốc trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân, VPbank hội sở (theo văn bản ủy quyền số: 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018); người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Đình L, sinh năm 1993; địa chỉ liên lạc: Tầng 4, số 112 Phan Châu Trinh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (theo văn bản ủy quyền số 841/2018/UQ-VPB ngày 24/4/2018).

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận tải H; địa chỉ trụ sở: Số 46 Phạm Đình H, Thuận L, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; người đại diện theo pháp luật: Bà Sử Nguyệt M, sinh năm 1980; chức vụ: giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Sử Nguyệt M, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 46 đường Phạm Đình H, Thuận L, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Tính đến ngày 12/4/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận tải H còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần V (VPbank) số tiền là **1.364.964.201** đồng (*Một tỷ ba trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm lẻ một đồng*), trong đó gồm nợ gốc là 876.748.337 đồng, nợ lãi là 463.489.861 đồng, nợ lãi chậm trả là 24.726.003 đồng.

2.2. Về phương thức thanh toán:

2.2.1. Đến ngày 15/5/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận tải H phải trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V là **1.364.964.201** đồng (*Một tỷ ba trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm linh một đồng*), trong đó gồm nợ gốc là 876.748.337 đồng, nợ lãi là 463.489.861 đồng, nợ lãi chậm trả là 24.726.003 đồng và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 13/4/2019 cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 140516-2798162-01-SME ngày 16/5/2016; hợp đồng cho vay số 170317-2798162-01-SME ngày 20/3/2017 và hợp đồng cho vay số 180517-2798162-01-SME ngày 18/5/2017.

2.2.2. Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận tải H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản của bà Sử Nguyệt M để thu hồi nợ theo các hợp đồng bảo lãnh số: 140516-2798162-01-SME/HĐBL ngày 16/5/2016; hợp đồng bảo lãnh số: 170317-2798162-01-SME/HĐBL ngày 20/3/2017 và hợp đồng bảo lãnh số: 180517-2798162-01-SME/HĐBL ngày 18/5/2017 mà các bên đã ký kết.

2.3. Về án phí tranh chấp: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trong phiên hoà giải nên phải chịu án phí tranh chấp theo quy định là: $[36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times (1.364.964.201 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}))]/2 = 26.474.463 \text{ đồng}$ (làm tròn số là 26.474.000 đồng).

Hai bên thỏa thuận Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận tải H chịu toàn bộ án phí tranh chấp là 26.474.000 đồng;

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.123.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/007661 ngày 28/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CCTHADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu KDTM.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh